

NGHỊ QUYẾT
Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng
chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quan hệ công chúng
của Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam

HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Căn cứ Thông tư số 04/2025/TT-BGDĐT ngày 17 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về kiểm định chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 685/QĐ-KĐCLGDTL ngày 04 tháng 7 năm 2025 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long về việc kiện toàn nhân sự Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ hồ sơ thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quan hệ công chúng của Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam;

Căn cứ kết quả thẩm định của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục phiên họp thứ 22 ngày 22 tháng 10 năm 2025.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất với kết quả đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quan hệ công chúng của Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam. Đoàn Đánh giá ngoài đã thực hiện đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quan hệ công chúng của Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam đúng quy định hiện hành.

Kết quả đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quan hệ công chúng của Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam sau thẩm định là: Số tiêu chí được đánh giá “Đạt” từ 4 điểm trở lên là 43 tiêu chí chiếm 86%, trong đó mỗi tiêu chuẩn có ít nhất 50% số tiêu chí đạt yêu cầu (Chi tiết trong Phụ lục I kèm theo Nghị quyết này).

Điều 2. Kiến nghị Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam cần thực hiện các nhóm giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quan hệ công chúng (Chi tiết trong Phụ lục II kèm theo Nghị quyết này).

Điều 3. Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục đề nghị Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quan hệ công chúng của Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam theo quy định hiện hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Hội đồng KĐCLGD;
- Học viện TTNVN;
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Đường



Phụ lục I
KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG

**Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quan hệ công chúng
của Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam**

(Kèm theo Nghị quyết số 128/NQ-HĐKĐCLGD ngày 23/10/2025
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục)

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn			Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
		Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)			Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
Tiêu chuẩn 1		3,67	2	66,67	Tiêu chuẩn 7		4,00	5	100
Tiêu chí 1.1	4				Tiêu chí 7.1	4			
Tiêu chí 1.2	3				Tiêu chí 7.2	4			
Tiêu chí 1.3	4				Tiêu chí 7.3	4			
Tiêu chuẩn 2		3,67	2	66,67	Tiêu chí 7.4	4			
Tiêu chí 2.1	4				Tiêu chí 7.5	4			
Tiêu chí 2.2	3				Tiêu chuẩn 8		4,00	5	100
Tiêu chí 2.3	4				Tiêu chí 8.1	4			
Tiêu chuẩn 3		3,67	2	66,67	Tiêu chí 8.2	4			
Tiêu chí 3.1	4				Tiêu chí 8.3	4			
Tiêu chí 3.2	3				Tiêu chí 8.4	4			
Tiêu chí 3.3	4				Tiêu chí 8.5	4			
Tiêu chuẩn 4		4,00	3	100	Tiêu chuẩn 9		3,80	4	80
Tiêu chí 4.1	4				Tiêu chí 9.1	4			
Tiêu chí 4.2	4				Tiêu chí 9.2	3			
Tiêu chí 4.3	4				Tiêu chí 9.3	4			
Tiêu chuẩn 5		3,80	4	80	Tiêu chí 9.4	4			
Tiêu chí 5.1	4				Tiêu chí 9.5	4			
Tiêu chí 5.2	4				Tiêu chuẩn 10		3,67	4	66,67
Tiêu chí 5.3	3				Tiêu chí 10.1	4			
Tiêu chí 5.4	4				Tiêu chí 10.2	4			
Tiêu chí 5.5	4				Tiêu chí 10.3	3			
Tiêu chuẩn 6		4,00	7	100	Tiêu chí 10.4	4			
Tiêu chí 6.1	4				Tiêu chí 10.5	4			
Tiêu chí 6.2	4				Tiêu chí 10.6	3			
Tiêu chí 6.3	4				Tiêu chuẩn 11		4,00	5	100
Tiêu chí 6.4	4				Tiêu chí 11.1	4			
Tiêu chí 6.5	4				Tiêu chí 11.2	4			
Tiêu chí 6.6	4				Tiêu chí 11.3	4			
Tiêu chí 6.7	4				Tiêu chí 11.4	4			
					Tiêu chí 11.5	4			

Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
3,86	43	86



Phụ lục II KIẾN NGHỊ CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG

Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quan hệ công chúng của Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam

(Kèm theo Nghị quyết số 128/NQ-HĐKĐCLGD ngày 23/10/2025
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục)

I. NHỮNG ĐIỂM MẠNH NỔI BẬT

Kết quả đánh giá chất lượng chương trình đào tạo (CTĐT) trình độ đại học ngành Quan hệ công chúng của Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam, giai đoạn 2019 - 2024 cho thấy có những điểm mạnh cần tiếp tục phát huy như sau:

1. Mục tiêu của CTĐT được phát biểu rõ ràng, cơ bản phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của Học viện, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học. Chuẩn đầu ra của CTĐT được xây dựng có sự tham gia của các bên liên quan, đã thể hiện đặc trưng của ngành Quan hệ công chúng, bao quát được các yêu cầu chung và chuyên biệt của người học tốt nghiệp CTĐT. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT được mô tả trong Bản mô tả CTĐT và phổ biến tới các bên liên quan bằng nhiều hình thức khác nhau.

2. Bản mô tả CTĐT có đủ thông tin cơ bản; được rà soát, điều chỉnh, cập nhật theo kế hoạch của Học viện; được công khai tới các bên liên quan bằng nhiều hình thức, dưới dạng văn bản giấy, văn bản số và tại các cuộc họp và các buổi hội thảo, tư vấn tuyển sinh, hướng nghiệp. Đề cương các học phần được người học tiếp cận qua website, được giảng viên phổ biến tại buổi học đầu tiên của học phần, được lưu trữ tại văn phòng Khoa và Trung tâm Thông tin- Thư viện để sẵn sàng cung cấp cho các bên liên quan.

3. Chương trình dạy học có cấu trúc liên mạch giữa các khối kiến thức bao gồm đầy đủ các khối kiến thức chung, cơ sở ngành và chuyên ngành với các học phần được phân bổ khá hợp lý, đảm bảo tính logic của tiến trình đào tạo; có nội dung cập nhật, có tính tích hợp, liên ngành; được rà soát, điều chỉnh; có tham khảo một số CTĐT trong nước và lấy ý kiến một số bên liên quan.

4. Triết lý giáo dục của Học viện được tuyên bố rõ ràng, được phổ biến đến các bên liên quan bằng nhiều hình thức. Hoạt động dạy học được thiết kế, xây dựng hướng đến đạt được chuẩn đầu ra của CTĐT; được rà soát, cập nhật, điều chỉnh theo hướng tiếp cận năng lực, lấy người học làm trung tâm, đặc biệt chú trọng khai thác thế mạnh của Học viện, Khoa về công tác thanh thiếu niên; phù hợp với đặc thù của ngành, hướng tới khả năng thực hành, phát triển và nâng cao kỹ năng thiết yếu trong hoạt động nghiệp vụ quan hệ công chúng; hướng tới mục tiêu hình thành khả năng phân tích và tổng hợp, khả năng nhận diện vấn đề, kỹ năng làm việc nhóm, nhằm thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng thiết yếu, kỹ năng mềm, năng lực tự chủ và trách nhiệm trong hoạt động nghề nghiệp cũng như nâng cao khả năng học suốt đời. Các hoạt động dạy - học có chú trọng tự học, người học được khuyến khích tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học, nhiều hoạt động chuyên môn như tọa đàm khoa học, hội thảo khoa học, nói chuyện chuyên đề...

Tất cả các đề cương chi tiết các học phần có mô tả, nhấn mạnh hoạt động tự học, tự nghiên cứu hướng đến việc nâng cao khả năng học tập suốt đời cho người học.

5. Học viện có văn bản quy định, hướng dẫn về các phương pháp kiểm tra đánh giá sử dụng trong CTĐT: quy định đào tạo trình độ đại học theo học chế tín chỉ, quy định về công tác thi và đánh giá kết quả học tập; quy định về tổ chức đánh giá học phần; quy định về hình thức học tập và bảo vệ khóa luận/tác phẩm tốt nghiệp; áp dụng nhiều hình thức kiểm tra, đánh giá đa dạng: tự luận, thuyết trình, tiểu luận, trắc nghiệm, vấn đáp, thực hành làm tác phẩm, sản phẩm.... Các quy định về kiểm tra đánh giá được giảng viên phổ biến tới người học trong buổi đầu nhập học, trong quá trình học học phần. Kết quả học tập được phản hồi kịp thời đến người học để điều chỉnh và cải thiện việc học tập. Người học và cựu người học, qua phỏng vấn đều hài lòng về việc khiếu nại điểm do dễ dàng tiếp cận với quy trình khiếu nại về đánh giá kết quả học tập và việc giải quyết hợp lý của Học viện.

6. Học viện đã ban hành hệ thống văn bản để thực hiện quy hoạch, tuyển dụng và bổ nhiệm, đào tạo, bồi dưỡng, quản trị công việc, đánh giá công việc của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên. Tỷ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ trở lên bảo đảm yêu cầu CTĐT. Khối lượng công việc của giảng viên được xác định và quy đổi rõ ràng theo từng vị trí việc làm, làm cơ sở để đánh giá, xếp loại. Công tác đào tạo, bồi dưỡng được thực hiện khá hiệu quả. Học viện/Khoa thực hiện chặt chẽ việc quản trị công việc của giảng viên, nghiên cứu viên theo quy định. Hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên CTĐT đạt kết quả khá cao.

7. Công tác quy hoạch đội ngũ nhân viên được thực hiện dựa trên dự báo nhu cầu thực tế trong hỗ trợ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Đội ngũ nhân viên hỗ trợ đáp ứng yêu cầu công việc được giao, góp phần hỗ trợ hiệu quả các hoạt động của Học viện. Các văn bản quy định về tuyển dụng, chuyển đổi vị trí công tác được ban hành với các tiêu chí rõ ràng, phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành, được phổ biến rộng rãi thông qua nhiều kênh thông tin khác nhau nhằm bảo đảm sự tiếp cận và thực hiện thống nhất. Hệ thống văn bản quy định, hướng dẫn để đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên được xây dựng đầy đủ; có các tiêu chí và hướng dẫn thực hiện chi tiết về đánh giá chất lượng lao động hàng tháng và xếp loại chất lượng viên chức và người lao động hàng năm. Triển khai đánh giá hiệu quả công việc dựa trên mô tả năng lực vị trí việc làm; đội ngũ nhân viên có tham gia xây dựng, góp ý quy định đánh giá hiệu quả công việc và hài lòng với kết quả đánh giá.

8. Chính sách và quy định tuyển sinh, các tiêu chí và phương thức xét tuyển người học được xác định rõ ràng, được rà soát và đánh giá hằng năm. Học viện đã phân công trách nhiệm giám sát sự tiến bộ của người học rõ ràng và ban hành khá đầy đủ các quy định/quy trình về giám sát sự tiến bộ của người học; có sự phân công trách nhiệm rõ ràng cho các đơn vị về công tác tư vấn và hỗ trợ trong học tập, hoạt động ngoại khoá, tư vấn việc làm cho người học; triển khai thực hiện khá nhiều các hoạt động ngoại khoá, hoạt động tư vấn và hỗ trợ NH trong học tập, tư vấn việc làm. Học viện luôn quan tâm xây dựng môi trường tâm

lý, xã hội, không khí làm việc, học tập thân thiện, môi trường sư phạm, cảnh quan sạch đẹp, bảo đảm các điều kiện an ninh, an toàn.

9. Học viện có đủ hệ thống phòng học, phòng làm việc và các phòng chức năng, cùng các trang thiết bị cơ bản, phù hợp để hỗ trợ hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học. Trung tâm Thông tin Thư viện cung cấp học liệu cùng các tiện ích đọc, mượn phù hợp cho hoạt động đào tạo và nghiên cứu, được quản lý bởi phần mềm Ilibme. Các phòng thực hành máy tính và thực hành ngoại ngữ cùng trang thiết bị cơ bản được duy trì, bảo dưỡng và cập nhật để hỗ trợ hoạt động đào tạo, nghiên cứu. Hệ thống công nghệ thông tin hỗ trợ hoạt động đào tạo và nghiên cứu bao gồm: hệ thống máy chủ và máy tính, các đường truyền tốc độ cao, tổng băng thông Internet rộng, các phần mềm quản lý, quản trị cùng các cổng thông tin điện tử, giáo án điện tử,... Nhiều hoạt động về môi trường, sức khỏe và an toàn được triển khai như khám sức khỏe định kỳ cho người học, cán bộ, giảng viên, tập huấn phòng cháy chữa cháy, bảo vệ trật tự an ninh, an toàn, vệ sinh môi trường...

10. Hệ thống thu thập thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được thiết lập. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển CTĐT và chương trình dạy học. Quy trình thiết kế, phát triển CTĐT, chương trình dạy học được thiết lập, được rà soát, đánh giá và cải tiến phù hợp với yêu cầu phát triển CTĐT, chương trình dạy học của Học viện và quy định của pháp luật. giảng viên, nghiên cứu viên thực hiện CTĐT có nhiều đề tài nghiên cứu khoa học có nội dung liên quan đến hoạt động dạy và học. Một số công bố khoa học được truyền tải thành nội dung giảng dạy và cải tiến hoạt động giảng dạy của giảng viên và hoạt động học tập của người học. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích của thư viện, phòng thực hành, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác được quy định rõ ràng, được đánh giá thường xuyên và cải tiến nâng cao chất lượng.

11. Học viện đã thực hiện giám sát, thống kê, cập nhật số lượng sinh viên thôi học, tốt nghiệp đúng hạn, tính toán thời gian tốt nghiệp trung bình của sinh viên thuộc CTĐT. Tỷ lệ sinh viên thôi học có xu hướng giảm rõ rệt và trung bình là 14,9%. Thời gian tốt nghiệp trung bình của sinh viên khá gần với thời gian đào tạo chuẩn. Tỷ lệ sinh viên có việc làm cao, đạt gần 97% và làm việc phù hợp với ngành đào tạo khá cao, đạt 73,3%. Mức độ hài lòng của các bên liên quan về hoạt động của CTĐT được định kỳ khảo sát và kết quả khảo sát đã được phân tích, đối sánh, đánh giá để xây dựng và thực hiện các giải pháp cải tiến chất lượng.

II. KIẾN NGHỊ

Tuy nhiên, CTĐT còn những điểm tồn tại cần khắc phục (Chi tiết như đã nêu trong Báo cáo đánh giá ngoài của đoàn Đánh giá ngoài). Trên cơ sở hồ sơ thẩm định và kết quả thảo luận tại phiên họp, Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục kiến nghị Học viện cần xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng theo 11 nhóm giải pháp sau đây:

1. Rà soát, điều chỉnh và bổ sung chuẩn đầu ra của CTĐT đảm bảo chính xác, cụ thể, rõ ràng hơn, không trùng lặp; hướng dẫn/tập huấn thường xuyên hơn

cho giảng viên về cách thức xây dựng các ma trận kết nối giữa chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra của CTĐT, giữa chuẩn đầu ra với mục tiêu của CTĐT; tăng cường lấy ý kiến của các bên liên quan và khảo sát nhu cầu thị trường lao động, khảo sát nhu cầu các bên liên quan để điều chỉnh mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT; đa dạng hóa công tác thông tin, truyền thông nội bộ về chuẩn đầu ra của CTĐT, đặc biệt quan tâm đến đối tượng người học, đảm bảo chuẩn đầu ra được tiếp cận dễ dàng hơn nữa.

2. Rà soát, bổ sung đầy đủ thông tin của Bản mô tả CTĐT; nâng cao hiệu quả rà soát, đảm bảo các nội dung trong đề cương học phần đầy đủ, thống nhất; rà soát hệ thống giáo trình, tài liệu tham khảo bảo đảm cập nhật theo đúng quy định; cải tiến phương thức truyền thông Bản mô tả và đề cương học phần để thu thập được thêm nhiều ý kiến chất lượng để cải tiến CTĐT.

3. Rà soát, hoàn thiện phân nhiệm mức độ đóng góp của từng học phần trong CTĐT chương trình dạy học, đảm bảo 100% các môn học/học phần có sự tương thích về nội dung và thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi môn học/học phần nhằm đạt được chuẩn đầu ra; xây dựng tiêu chí lựa chọn đối tác tham khảo, đối sánh với CTĐT, phân tích sâu nội dung của từng học phần trong các lần rà soát, cập nhật CTĐT.

4. Nâng cao hiệu quả truyền thông về triết lý giáo dục tới các bên liên quan trong và ngoài Học viện; chia sẻ kinh nghiệm lồng ghép, lan tỏa triết lý giáo dục trong dạy và học để đạt hiệu quả tốt hơn; định kỳ hằng năm tổng kết đánh giá một cách bài bản về hoạt động học tập của người học, đáp ứng yêu cầu ngày càng đa dạng của ngành Quan hệ công chúng; có cơ chế giám sát và đánh giá hiệu quả của hoạt động tự học; rà soát, cập nhật, đa dạng hơn nữa các tài liệu học tập trong đề cương học phần nhằm giúp cho hoạt động tự học được hiệu quả hơn; tăng cường kết nối đơn vị sử dụng nhân lực để gia tăng cơ hội trải nghiệm thực tế cho người học.

5. Tăng cường công tác hậu kiểm, rà soát, giám sát nhằm đảm bảo các phương pháp kiểm tra đánh giá được sử dụng đảm bảo đo lường được các yêu cầu, chuẩn đầu ra cần đo và đảm bảo độ tin cậy, tính công bằng; định lượng phân tích sâu kết quả thi để xây dựng và chuẩn hóa ngân hàng câu hỏi thi kết thúc học phần của CTĐT; kiểm soát chất lượng các bài thi thay thế khóa luận tốt nghiệp; đối sánh kết quả học tập của người học, kết quả đạt chuẩn đầu ra học phần qua các năm học, sử dụng để cải tiến đề cương học phần; đối sánh kết quả đạt chuẩn đầu ra CTĐT qua các khóa tốt nghiệp và sử dụng kết quả để rà soát, cải tiến CTĐT; nâng cao năng lực đội ngũ nhân sự thực hiện công tác khảo thí về đánh giá theo chuẩn đầu ra.

6. Rà soát Chiến lược phát triển, xác định chỉ tiêu cụ thể phát triển đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên cho từng mốc thời gian; xác định đầy đủ và rõ ràng bộ năng lực của giảng viên, nghiên cứu viên trong Đề án vị trí việc làm và ban hành bộ chỉ số đánh giá năng lực KPIs của giảng viên, nghiên cứu viên; tách kết quả nghiên cứu khoa học của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên theo CTĐT.

7. Thiết lập công cụ và quy trình phân tích để làm cơ sở xây dựng chiến lược phát triển đội ngũ nhân viên phù hợp với tầm nhìn, sứ mệnh của Học viện; định kỳ rà soát và cập nhật khung năng lực theo Đề án vị trí việc làm, bảo đảm phù hợp với xu hướng chuyển đổi số và yêu cầu thực tiễn trong từng giai đoạn phát triển; xây dựng công cụ hỗ trợ chuyên nghiệp hơn trong việc đánh giá công việc của đội ngũ nhân viên trên cơ sở xây dựng bộ tiêu chí đánh giá có tính định lượng về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, mức độ hoàn thành nhiệm vụ theo vị trí công việc; xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng dài hạn, trung hạn và tổ chức đánh giá hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhân viên; cải tiến biểu mẫu về phân công nhiệm vụ của các đơn vị, bổ sung các yêu cầu về chất lượng, tiến độ công việc để giám sát, đánh giá chất lượng, hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên cụ thể, rõ ràng hơn.

8. Tăng cường và đổi mới công tác truyền thông về công tác tuyển sinh tới các tỉnh trong cả nước, nên chú trọng các tỉnh vùng sâu, vùng xa; đa dạng các phương thức xét tuyển người học và rà soát, đổi mới phương pháp xét tuyển người học phù hợp hơn; nâng cấp phần mềm Hệ thống Quản lý giáo dục PMT-EMS giúp cho công tác theo dõi sự tiến bộ của người học được hiệu quả hơn; tổ chức Hội nghị/Hội thảo phân tích, đánh giá tính hiệu quả của các hoạt động tư vấn và hỗ trợ cho người học và thiết kế bộ câu hỏi khảo sát về hoạt động tư vấn và hỗ trợ cho người học với các tiêu chí sâu hơn để đánh giá chính xác hơn làm căn cứ xây dựng kế hoạch cải tiến, nâng cao hiệu quả cho các hoạt động tư vấn và hỗ trợ người học; sắp xếp, bổ sung không gian học tập mở dành cho các hoạt động tự học, tự nghiên cứu của người học.

9. Xây dựng tiêu chuẩn định mức sử dụng diện tích và trang thiết bị chuyên dụng đáp ứng quy định của Thông tư số 01/2024/TT-BGDĐT ngày 05/02/2024; rà soát, bổ sung học liệu, bảo đảm đầy đủ tài liệu bắt buộc của CTĐT; nâng cấp cơ sở vật chất và trang thiết bị chuyên dụng, đầu tư phần mềm quản trị thư viện mới, mua bản quyền và chuyển đổi tài liệu về dạng số, phát triển nhân lực quản trị thư viện; xây dựng tiêu chuẩn, định mức sử dụng thiết bị thực hành đáp ứng Thông tư số 16/2019/TT-BGDĐT và đánh giá hiệu quả sử dụng, đầu tư, nâng cấp trang thiết bị các phòng thực hành bảo đảm số lượng, chất lượng, đồng bộ; nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin đồng bộ và tích hợp (hệ thống máy chủ, máy tính, phần mềm quản trị đại học số và hệ thống cổng thông tin, điểm phát wifi...); ban hành bộ tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe và an toàn và tổ chức khảo sát người học và các bên liên quan về việc thực hiện bộ tiêu chuẩn này.

10. Rà soát quy định về khảo sát lấy ý kiến phản hồi và thu thập nhu cầu của các bên liên quan, bổ sung các tiêu chí khảo sát nhu cầu đào tạo, yêu cầu về năng lực các vị trí công việc làm cơ sở điều chỉnh, bổ sung CTĐT, chương trình dạy học; xây dựng kế hoạch rà soát, đánh giá quy trình thiết kế, phát triển CTĐT, chương trình dạy học đồng bộ với hoạt động rà soát, đánh giá và phát triển CTĐT, chương trình dạy học; văn bản hóa kết quả rà soát, đánh giá quy trình thiết kế, phát triển CTĐT, chương trình dạy học làm căn cứ cải tiến quy trình thiết kế, phát triển chương trình dạy học; rà soát, bổ sung bộ tiêu chí đánh giá hoạt động dạy học và kiểm tra đánh giá của giảng viên tương thích và phù hợp với chuẩn

đầu ra, đánh giá thường xuyên, đầy đủ cho tất cả các học phần của CTĐT, tách riêng kết quả khảo sát cho CTĐT; đa dạng hoá các đề tài nghiên cứu về phát triển CTĐT, chương trình dạy học, đổi mới phương pháp dạy, học và đánh giá kết quả học tập của người học đáp ứng chuẩn đầu ra của CTĐT; đánh giá đồng bộ, đầy đủ chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích của thư viện, phòng thực hành, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác; tách riêng số liệu khảo sát cho từng CTĐT; thường xuyên rà soát, đánh giá và cải tiến các quy định về bảo đảm chất lượng, lấy ý kiến và cơ chế phản hồi của các bên liên quan, tăng cường sự kết nối và trao đổi thông tin giữa các bên liên quan, nhất là các bên liên quan bên ngoài Trường.

11. Nâng cấp phần mềm quản lý đào tạo để đáp ứng tốt nhất yêu cầu thống kê báo cáo số liệu về sinh viên thôi học, tốt nghiệp và tính thời gian tốt nghiệp trung bình. Cần triển khai các giải pháp hiệu quả và kiên quyết hơn trong thực hiện để giảm số sinh viên thôi học, tăng tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp đúng hạn và rút ngắn thời gian tốt nghiệp trung bình. Cải tiến toàn diện hoạt động khảo sát việc làm của sinh viên và khảo sát mức độ hài lòng của các bên liên quan để nâng cao chất lượng đào tạo của ngành học.

Trên đây là những kiến nghị của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục với 11 nhóm giải pháp, Học viện cần nghiên cứu kỹ Báo cáo đánh giá ngoài của đoàn Đánh giá ngoài để xây dựng kế hoạch với những giải pháp cụ thể và triển khai thực hiện cải tiến chất lượng chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quan hệ công chúng của Học viện. Sau nửa chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục (vào thời điểm 2,5 năm sau khi được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục), Học viện cần có báo cáo kết quả thực hiện cải tiến chất lượng chương trình đào tạo gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long theo quy định hiện hành./.